

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT SỐ 7  
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á**

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/04/2020 của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á,

**QUYẾT NGHỊ:**

- Điều 1.** Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ 9.369 tỷ đồng lên tối đa 12.088 tỷ đồng. Chi tiết Phương án đính kèm Nghị quyết này.
- Điều 2.** Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị: (i) quyết định mức tăng vốn cụ thể các đợt phát hành và thời điểm phát hành của từng đợt trên cơ sở phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng vốn của ngân hàng; (ii) quyết định, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ; (iii) ký, tổ chức thực hiện các văn bản, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ; (iv) Sửa đổi điều lệ, điều chỉnh giấy phép hoạt động và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của SeABank theo mức vốn phát hành thành công thực tế; (v) thực hiện mọi thủ tục có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ với Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đăng ký kinh doanh các cấp và/hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật.
- Điều 3.** Các nội dung đã được ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định, tổ chức triển khai thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và không giới hạn thời hạn hiệu lực, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết khác thay thế. Hội đồng Quản trị và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT – CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, VP.HQĐT.



**LÊ VĂN TÀN**



## PHẦN VII. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 12.088 TỶ ĐỒNG

Để tiếp tục nâng cao vốn điều lệ đáp ứng nhu cầu kinh doanh và nâng cao năng lực tài chính, uy tín của SeABank, và căn cứ các quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), Điều lệ SeABank, Hội đồng quản trị SeABank kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ lên 12.088 tỷ đồng theo Phương án sau:

### I. Sự cần thiết phải tăng vốn điều lệ

Việc tiếp tục bổ sung vốn điều lệ cho ngân hàng là rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của SeABank trong giai đoạn hiện nay, là cơ sở để SeABank tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động, thúc đẩy quá trình phát triển, tăng cường năng lực tài chính và đáp ứng những nhu cầu sau:

1. Tăng năng lực tài chính của Ngân hàng thông qua việc nâng cao giá trị thực của vốn điều lệ so với mức vốn pháp định, giúp SeABank đứng vững trước những biến động của thị trường.
2. Tạo điều kiện đẩy mạnh kinh doanh và đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng:
  - Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh;
  - Nâng cao các chỉ số an toàn của SeABank;
  - Nâng cao hạn mức cấp tín dụng đối với một khách hàng/ nhóm khách hàng;
  - Nâng cao khả năng thanh khoản của SeABank;
  - Tăng cường dự phòng rủi ro của SeABank theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong năm 2020 và giai đoạn 2016-2020;
  - Nâng tỷ trọng đầu tư trung dài hạn.
3. Tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động của Ngân hàng: Nâng tỷ trọng đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động Ngân hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.
4. Tăng khả năng tài chính để mở rộng và phát triển mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch của SeABank.

### II. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

#### 1. Mức tăng vốn điều lệ:

- Mức vốn điều lệ hiện tại: 9.369.000.000.000 đồng.
- Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm tối đa: 2.719.000.000.000 đồng. (Hai nghìn bảy trăm mười chín tỷ đồng).
- Số cổ phần tăng thêm: 271.900.000 (Hai trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm nghìn cổ phần).
- Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng một cổ phần).
- Tổng mệnh giá phát hành: 2.719.000.000.000 đồng. (Hai nghìn bảy trăm mười chín tỷ đồng).
- Tỷ lệ vốn phát hành thêm trên vốn điều lệ hiện tại: 29,0212%
- Mức vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 12.088.000.000.000 đồng, tương đương 1.208.800.000 cổ phần.

## 2. Phương án tăng vốn

Phù hợp với chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, SeABank sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án sau:

### a) Đợt 1: Phát hành 131.166.000 cổ phiếu để trả cổ tức.

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: **131.166.000** cổ phiếu.
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến: 1.311.660.000.000 đồng (*Một nghìn ba trăm mười một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng*).
- Tỷ lệ phát hành (*số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành*): 14,0000%
- Hình thức phát hành: trả cổ tức bằng cổ phiếu
- Đối tượng phát hành: các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của SeABank tại thời điểm chốt danh sách trước khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn.
- Nguồn vốn thực hiện: Sử dụng nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC kiểm toán năm 2019 hợp nhất tại thời điểm 31/12/2019 theo quy định. (Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2019 (hợp nhất) là 1.324.852 triệu đồng)
- Các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng đối tượng: Không có
- Thời điểm phát hành: Trong năm 2020 hoặc theo quyết định của HĐQT SeABank.

### b) Đợt 2: Phát hành tối đa 140.734.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 140.734.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến: 1.407.340.000.000 đồng (*Một nghìn bốn trăm linh bảy tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng*)
- Tỷ lệ phát hành (*số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành*): 15,0212%
- Hình thức phát hành: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng được mua: các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của SeABank tại thời điểm chốt danh sách trước khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn.
- Giá phát hành dự kiến: 10.000 đồng/cổ phần.

Hội đồng quản trị căn cứ các mức giá để xác định giá chào bán:

+ Giá trị sổ sách của SeABank tại thời điểm 31/12/2019 (theo BCTC kiểm toán năm 2019 hợp nhất): **11.662 đồng/cổ phần**.

+ Giá trị sổ sách của SeABank tại thời điểm 31/12/2019 (theo BCTC kiểm toán năm 2019 riêng): **11.691 đồng/cổ phần**.

+ Giá phát hành cho cổ đông hiện hữu gần nhất của SeABank (tháng 09/2019): 10.000 đồng/cổ phần.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần cụ thể, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật, SeABank và diễn biến thị trường tại thời điểm phát hành.

- Tỷ lệ thực hiện quyền: 15,0212%, tương đương 1:0,150212 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền mua, 100 quyền mua được mua thêm 15,0212 cổ phần mới phát hành).
- Các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng đối tượng: Không có
- Thời điểm phát hành: trong năm 2020 hoặc theo quyết định của HĐQT SeABank.

c) HĐQT quyết định giá phát hành, thời điểm phát hành cụ thể hoặc việc sáp nhập, hoán đổi thứ tự các đợt phát hành nói trên nhằm phù hợp với diễn biến thị trường và tình hình hoạt động của SeABank.

**3. Nguyên tắc làm tròn:** Số cổ phần được phát hành thêm hoặc mua thêm sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.

**4. Chuyển nhượng quyền mua:** Thực hiện theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

**5. Về phương án xử lý cổ phần lẻ và số cổ phần không được đăng ký mua hết/ không mua hết theo đăng ký**

- Trong quá trình phát hành cổ phiếu nếu phát sinh cổ phần lẻ, số cổ phần lẻ được xử lý như sau: Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (được dùng để mua cổ phiếu theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc/ và HĐQT) để giao cho Công đoàn SeABank Hội sở mua và quản lý toàn bộ số cổ phần lẻ phát sinh trong quá trình tăng vốn điều lệ làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên SeABank.
- Đối với số cổ phần không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu: do Hội đồng Quản trị quyết định chào bán cho các cổ đông hiện hữu khác với giá không ưu đãi hơn so với giá đã phát hành cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định.

**6. Mức độ pha loãng của cổ phiếu phát hành:**

Đợt phát hành để tăng vốn điều lệ trên sẽ dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phần như sau:

- ***Pha loãng về Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)***

Công thức tính:

$$EPS = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SeABank dẫn tới sự pha loãng giá trị cổ phiếu.

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của SeABank được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

**- Pha loãng giá sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)**

**Công thức tính:**

$$BVPS = \frac{\text{Giá trị vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

**- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông.**

Đối với việc phát hành một lượng lớn cổ phiếu ra thị trường cho cổ đông hiện hữu (khối lượng phát hành dự kiến là 140.734.000 cổ phiếu với tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm/tỷ lệ cổ phiếu đang lưu hành là 15,0212%), rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu xảy ra khi cổ đông từ chối thực hiện quyền mua cổ phiếu, khi đó tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm xuống.

Song song với đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, SeABank cũng thực hiện đồng thời việc phát hành 131.166.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu. Việc trả cổ tức bằng cổ phiếu không làm ảnh hưởng pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông.

**7. Cam kết đưa cổ phiếu lên giao dịch trên thị trường giao dịch tập trung**

Ngân hàng cam kết sẽ đưa cổ phiếu lên thị trường giao dịch tập trung trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

**8. Các quy định khác**

Việc tăng vốn từ nguồn phát hành cổ phiếu mới đảm bảo chấp hành đúng các quy định về tỷ lệ góp vốn của các cổ đông, các giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định của Luật các TCTD năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Thời gian hoàn thành việc tăng vốn: Dự kiến trong năm 2020 và/hoặc thời điểm khác phù hợp với chấp thuận của các Cơ quan có thẩm quyền.

**III. Phương án sử dụng vốn:**

Với số vốn điều lệ tăng thêm là 2.719.000.000.000 đồng, SeABank dự kiến sử dụng vào các mục đích sau:

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung                                                                                                   | Số tiền   | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Đầu tư tài sản cố định (máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng và tài sản cố định khác) | 80.000    | - Tăng đầu tư vào các giải pháp để củng cố và nâng cao hệ thống nền tảng như đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin, cơ vật chất, trụ sở, mạng lưới và hệ thống quản trị rủi ro.                                                                                               |
| 2   | Cho vay khách hàng doanh nghiệp, cá nhân                                                                   | 1.789.000 | - Tăng các giới hạn liên quan đến cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp, phát triển các chương trình tín dụng cá nhân và thêm nguồn vốn trung và dài hạn để tài trợ cho các dự án của KH.<br>- Thay thế một phần nguồn huy động từ thị trường để tiết giảm chi phí huy động. |

| STT | Nội dung                                            | Số tiền          | Ghi chú                                                          |
|-----|-----------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------|
| 3   | Trái phiếu Tổ chức tín dụng và trái phiếu Chính phủ | 850.000          | - Dự kiến đầu tư bổ sung các khoản trái phiếu có độ rủi ro thấp. |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                    | <b>2.719.000</b> |                                                                  |

#### IV. Hiệu quả kinh doanh trên cơ sở mức vốn điều lệ mới

Theo kế hoạch tăng vốn lên 12.088.000.000.000 đồng, SeABank dự kiến một số chỉ tiêu chính của kế hoạch kinh doanh năm 2020 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

| STT      | Chỉ tiêu                                              | 31/12/2019         | Kế hoạch năm 2020  |
|----------|-------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>A</b> | <b>Tổng tài sản</b>                                   | <b>157.398.288</b> | <b>175.633.366</b> |
| 1        | Tiền mặt, vàng bạc đá quý                             | 1.290.009          | 1.419.010          |
| 2        | Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước                       | 3.231.833          | 3.555.016          |
| 3        | Tiền, vàng gửi tại TCTD khác và cho vay các TCTD khác | 25.399.935         | 26.640.946         |
| 4        | Chứng khoán kinh doanh                                | 1.262.704          | 1.762.704          |
| 5        | Cho vay khách hàng (*)                                | 97.484.362         | 110.184.362        |
|          | <i>Trong đó: Số dư cho vay</i>                        | <i>98.613.839</i>  | <i>112.101.839</i> |
|          | <i>Dự phòng rủi ro</i>                                | <i>(1.129.477)</i> | <i>(1.917.477)</i> |
| 6        | Chứng khoán đầu tư                                    | 20.654.282         | 23.146.782         |
|          | <i>Trong đó: Số dư chứng khoán đầu tư</i>             | <i>20.687.586</i>  | <i>23.187.586</i>  |
|          | <i>Dự phòng rủi ro</i>                                | <i>(33.304)</i>    | <i>(40.804)</i>    |
| 7        | Tài sản cố định, góp vốn, đầu tư dài hạn              | 891.332            | 971.332            |
| 8        | Tài sản có khác                                       | 7.183.831          | 7.953.214          |
| <b>B</b> | <b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>                  | <b>157.398.288</b> | <b>175.633.366</b> |
| 1        | Các khoản nợ Chính phủ và NHNN                        | 238.592            | 238.592            |
| 2        | Tiền gửi và vay TCTD khác                             | 31.469.651         | 31.769.651         |
| 3        | Tiền gửi của khách hàng                               | 95.727.318         | 108.727.318        |
| 4        | Công cụ tài chính phái sinh                           | -                  | -                  |
| 5        | Phát hành giấy tờ có giá                              | 15.679.180         | 17.999.880         |
| 6        | Các khoản nợ khác                                     | 3.357.705          | 3.311.050          |
| 7        | Vốn và các quỹ                                        | 10.925.842         | 13.586.875         |
|          | <i>Vốn của TCTD</i>                                   | <i>9.369.000</i>   | <i>12.088.000</i>  |
|          | <i>Quỹ của TCTD</i>                                   | <i>231.990</i>     | <i>482.729</i>     |
|          | <i>Lợi nhuận chưa phân phối (**)</i>                  | <i>1.324.852</i>   | <i>1.016.146</i>   |
| <b>C</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                           | <b>1.390.698</b>   | <b>1.506.368</b>   |
| <b>D</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                             | <b>1.098.452</b>   | <b>1.205.693</b>   |

Ghi chú:

(\*) Kế hoạch cho vay khách hàng có thể được điều chỉnh phù hợp với chấp thuận của NHNN về tỷ lệ tăng trưởng tín dụng trong năm 2020 và các chỉ số kết quả kinh doanh trong năm 2020 có thể điều chỉnh phù hợp tương ứng.

(\*\*) Trong kế hoạch năm 2020, dự kiến khoản Lợi nhuận chưa phân phối được tính sau khi đã trừ đi dự kiến các khoản sau: số tiền để trả cổ tức bằng cổ phiếu, số thuế thu nhập doanh nghiệp và số tiền trích lập các quỹ theo quy định pháp luật

Theo đó, Tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng của SeABank như sau:

| STT | Chỉ tiêu                                                                                         | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch năm 2020                                                                                                        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ ( $\geq 9\%$ )                                                        | 14,81%             | Tuân thủ thông tư 41/2016/TT-NHNN: $\geq 9\%$                                                                            |
| 2   | Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất ( $\geq 9\%$ )                                                        | 16,73%             | Tuân thủ thông tư 41/2016/TT-NHNN: $\geq 9\%$                                                                            |
| 3   | Tỷ lệ nợ xấu ( $\leq 3\%$ )                                                                      | 2,31%              | Kế hoạch $\leq 3\%$                                                                                                      |
| 4   | Tỷ lệ dự trữ thanh khoản ( $\geq 10\%$ )                                                         | 14,82%             | Kế hoạch $\geq 10\%$                                                                                                     |
| 5   | Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn ( $\leq 45\%$ , năm 2019 yêu cầu $\leq 40\%$ ) | 17,93%             | Tuân thủ thông tư 22/2019/TT-NHNN: đến ngày 30/09/2020 là $\leq 40\%$ , từ ngày 01/10/2020 đến 31/12/2020 là $\leq 37\%$ |
| 6   | Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu CP so với nguồn vốn ngắn hạn ( $\leq 35\%$ )                        | 9,84%              | Kế hoạch $\leq 35\%$                                                                                                     |
| 7   | ROA                                                                                              | 0,75%              | 0,75%                                                                                                                    |
| 8   | ROE                                                                                              | 12,03%             | 10,1%                                                                                                                    |

## V. Tính khả thi của phương án tăng vốn điều lệ

### 1. Về nguồn vốn để tăng vốn điều lệ

SeABank sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối, các Quỹ để phát hành cổ phiếu tăng vốn và chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và/hoặc các cá nhân, tổ chức có tiềm lực tài chính và đủ điều kiện trở thành cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và của SeABank tại thời điểm chào bán.

### 2. Về hiệu quả hoạt động

Với mức tăng vốn điều lệ trên một số chỉ tiêu chính đến cuối năm 2020 của SeABank dự kiến như sau ROA là 0,75%, ROE là 10,1%

### 3. Về khả năng quản trị điều hành, năng lực quản lý, giám sát của SeABank đối với quy mô vốn và quy mô hoạt động khi tăng vốn điều lệ mới

3.1 HĐQT SeABank nhiệm kỳ 2018-2023 hiện có 07 thành viên trong đó có 01 thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT của SeABank đều đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các TCTD năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD, là các cá nhân có năng lực, trình độ chuyên môn cao, tất cả đều tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học, là những cá nhân có nhiều kinh nghiệm quản trị trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, có tầm nhìn chiến lược, có tinh thần đoàn kết, có tâm huyết. Các thành viên HĐQT SeABank đã có nhiều đóng góp tích cực trong công tác quản trị hoạt động, góp phần vào sự phát triển ổn định và bền vững của SeABank.

- 3.2 Ban Tổng Giám đốc của SeABank hiện nay có 09 thành viên và là những cá nhân giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn mà mình phụ trách nói riêng và ngành ngân hàng nói chung. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đều có khả năng và kinh nghiệm quản trị điều hành, đã gắn bó lâu dài với SeABank và tâm huyết với công việc. Trong công tác, các thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn nhanh chóng nắm bắt cũng như thực hiện đúng và triển khai hiệu quả các định hướng, chiến lược, kế hoạch của HĐQT, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cơ chế quản trị và điều hành thống nhất, hiệu quả và có sự phối hợp thường xuyên giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong mỗi hoạt động. Bên cạnh đó, sự tham gia thường xuyên của các thành viên HĐQT trong công tác quản trị Ngân hàng là một yếu tố giúp SeABank hoạt động an toàn, hiệu quả.
- 3.3 SeABank đã xây dựng và kiện toàn được hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ hoàn chỉnh từ cấp cơ sở đến Hội sở thông qua việc ban hành hệ thống các quy định, quy trình, quy chế toàn diện, thống nhất, đồng bộ. Trong đó, Khối Pháp chế và Tuân thủ tại Hội sở là đơn vị đầu mối, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm soát nội bộ. Khối Pháp chế và Tuân thủ bao gồm Tuân Thủ và Pháp chế chia theo khu vực quản lý. Tại Tuân thủ được chia thành các mảng kiểm soát theo nghiệp vụ như bộ phận kiểm soát tín dụng, bộ phận kiểm soát tuân thủ kế toán tài chính, ngân quỹ ... nhằm chuyên môn hóa hoạt động kiểm soát tuân thủ theo từng lĩnh vực hoạt động và từng khu vực của SeABank.
- 3.4 SeABank đã thành lập và đưa vào hoạt động Khối Quản lý rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc từ năm 2008 dưới sự tư vấn của cố đồng chiến lược nước ngoài. Khối Quản lý rủi ro hiện đã được cơ cấu lại và thành lập mới trên cơ sở Khối Tín dụng và Quản trị rủi ro nhằm phù hợp với yêu cầu thực tế hoạt động của SeABank. SeABank cũng thành lập Ban Dự án Basel II trực thuộc Khối này là đầu mối nghiên cứu, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc để triển khai áp dụng Basel II trên toàn hệ thống.
- 3.5 Phòng Kiểm toán nội bộ đã được SeABank thành lập từ năm 2006 trên cơ sở tái cấu trúc từ Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát và đã được cơ cấu lại theo đúng yêu cầu tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN (sau đây gọi chung là Thông tư 13). Đơn vị này thường xuyên tổ chức các cuộc kiểm toán định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền nhằm rà soát, đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập và đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ góp phần đảm bảo an toàn chung trong hoạt động ngân hàng. Đồng thời, SeABank cũng đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ và Quy trình kiểm toán nội bộ mới theo Thông tư 13.
- 3.6 SeABank đã đầu tư mới hệ thống phần mềm quản trị lõi T24 của Thụy Sĩ và đã sử dụng ổn định từ năm 2006. Năm 2019, SeABank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam nâng cấp thành công phần mềm quản trị lõi ngân hàng T24 Temenos lên phiên bản R18 - phiên bản hiện đại nhất thế giới hiện nay với nhiều tính năng quan trọng. Việc nâng cấp cũng giúp cập nhật công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, tốc độ vận hành của hệ thống. Đây là cơ sở nền tảng của việc tạo ra các dịch vụ ngân hàng hiện đại, chính xác, tự động, trực tuyến, có nhiều giá trị cho khách hàng khi đồng thời cho phép SeABank có được các công cụ tiên tiến, tự động và đa chiều trong việc quản trị khách hàng, quản trị rủi ro. Ngoài ra một tính năng nổi trội khác của T24 là việc hỗ trợ thực hiện giao dịch qua hệ thống 24h/ngày (Non-stop), xóa bỏ tình trạng giao dịch qua hệ thống bị ngừng trệ trong thời gian quyết toán theo phương thức khóa ngày truyền thống. Với Non-stop, nhân viên và khách hàng có thể truy cập vào hệ thống vào mọi thời điểm trong ngày. Bên cạnh đó, công nghệ điện toán đám mây hiện đại bậc nhất hiện nay đã được áp dụng tại SeABank cho phép Khối Quản lý rủi ro, Khối Pháp chế và Tuân thủ theo dõi, giám sát tập trung các hoạt động



*M*

kinh doanh của các Chi nhánh/ Phòng Giao dịch trên toàn hệ thống.. SeABank đã được cấp Chứng chỉ PCI DSS 3.2 về an toàn, bảo mật cho hệ thống thẻ thanh toán lần đầu tiên tại Việt Nam. Tiêu chuẩn PCI DSS do Hội đồng Tiêu chuẩn Bảo mật – SSC (Security Standards Council) thiết lập dành cho thẻ thanh toán. Tham gia Hội đồng là các tổ chức thẻ quốc tế lớn trên thế giới như: Visa, MasterCard, American Express (AMEX), Discover Financial Services, JCB International... Để đạt được tiêu chuẩn PCI DSS, các đơn vị cần đáp ứng 12 yêu cầu khắt khe dành cho hệ thống. Đó là các yêu cầu về chính sách an ninh thông tin, quy trình xử lý dữ liệu, cấu trúc mạng máy tính... nhằm đảm bảo an toàn cho dữ liệu thẻ trong suốt quá trình xử lý và lưu trữ tại các ngân hàng hoặc các đơn vị có chức năng thanh toán trực tuyến. Qua đó, các đơn vị hạn chế được các lỗ hổng bảo mật và rủi ro bị đánh cắp thông tin, đồng thời tăng cường bảo vệ dữ liệu lưu trên thẻ và giao dịch thanh toán thẻ. Đặc biệt, với các đơn vị đã từng đạt được chứng chỉ PCI DSS, để tiếp tục nhận được chứng chỉ PCI DSS duy trì cần có mức độ đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn so với năm trước.

Như vậy, SeABank hoàn toàn có đủ khả năng quản trị điều hành, năng lực quản lý, giám sát của SeABank đối với quy mô vốn và quy mô hoạt động khi tăng vốn điều lệ mới.

Để việc tăng vốn điều lệ được thực hiện nhanh chóng, theo đúng tiến độ, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc giao cho Hội đồng Quản trị: (i) quyết định mức tăng vốn cụ thể các đợt phát hành và thời điểm phát hành của từng đợt trên cơ sở phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng vốn của ngân hàng; (ii) quyết định, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ; (iii) ký, tổ chức thực hiện các văn bản, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ; (iv) Sửa đổi điều lệ, điều chỉnh giấy phép hoạt động và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của SeABank theo mức vốn phát hành thành công thực tế; (v) thực hiện mọi thủ tục có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ với Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đăng ký kinh doanh các cấp và/hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**LÊ VĂN TÀN**